

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 01/VBHN-BGDĐT

*Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025*

## **NGHỊ ĐỊNH**

### **QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ, CHI PHÍ SINH HOẠT ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỰ PHẠM**

Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sự phạm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sự phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sự phạm.* [\[1\]](#)

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. [\[2\]](#) Nghị định này quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo giáo viên).

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Sinh viên học trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên theo hình thức đào tạo chính quy, liên thông chính quy và sinh viên học văn bằng thứ 2 theo hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên có kết quả học lực văn bằng thứ 1 đạt loại giỏi (sau đây gọi chung là sinh viên sư phạm).

b) [\[3\]](#) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), các cơ sở đào tạo giáo viên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Nghị định này không áp dụng đối với giáo viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Số tháng làm tròn khi tính thời gian làm việc trong ngành giáo dục được xác định như sau: số ngày làm việc trong tháng từ 15 ngày trở lên được tính là một tháng.

2. Sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp công tác trong ngành giáo dục, bao gồm:

a) Giáo viên, giảng viên làm nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu hoặc chuyên môn, viên chức làm công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, các cơ sở giáo dục khác được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập, các cơ quan nghiên cứu khoa học về giáo dục và đào tạo;

b) Công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục theo quy định của Nghị định quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

3. Thẩm quyền xác nhận thời gian làm việc trong ngành giáo dục là thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này.

## **Điều 3. Xác định nhu cầu đào tạo giáo viên và phương thức thực hiện hỗ trợ sinh viên sư phạm**[\[4\]](#)

1. Xác định nhu cầu đào tạo giáo viên

a) Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi nhu cầu đào tạo giáo viên của địa phương theo từng trình độ, cấp học, ngành học, môn học cho năm tuyển sinh tiếp theo về Bộ

Giáo dục và Đào tạo theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, đồng thời công khai trên các phương tiện thông tin, truyền thông;

b) Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, trên cơ sở nhu cầu tuyển dụng giáo viên theo trình độ, cấp học, ngành đào tạo của địa phương, điều kiện bảo đảm chất lượng và năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo giáo viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định và thông báo chỉ tiêu tuyển sinh năm tiếp theo cho các cơ sở đào tạo giáo viên;

c) Căn cứ chỉ tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo, cơ sở đào tạo giáo viên công khai rộng rãi chỉ tiêu lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo giáo viên trước ngày 05 tháng 7 hằng năm.

## 2. Phương thức thực hiện hỗ trợ sinh viên sư phạm

a) Căn cứ vào chỉ tiêu được thông báo của các cơ sở đào tạo giáo viên, các bộ, ngành, địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm bằng hình thức giao dự toán theo phân cấp ngân sách; trường hợp địa phương có nhu cầu nguồn giáo viên cần thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng thì thực hiện giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên cho cơ sở đào tạo giáo viên trực thuộc hoặc đặt hàng đào tạo giáo viên với cơ sở đào tạo giáo viên;

b) Quyết định giao nhiệm vụ, hợp đồng đào tạo giáo viên giữa cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng với các cơ sở đào tạo giáo viên phải căn cứ trên cơ sở nhu cầu và kế hoạch đào tạo giáo viên theo từng năm, phù hợp với lộ trình kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên hằng năm và dài hạn của địa phương;

c) Đơn giá thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo giáo viên được xác định theo quy định tại Điều 4 Nghị định 116;

d) Các quy định khác về giao nhiệm vụ, đặt hàng chưa được quy định cụ thể tại Nghị định 116 và Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

## Chương II

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ, CHI PHÍ SINH HOẠT VÀ BÒI HOÀN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

#### **Điều 4. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ**

##### 1. Mức hỗ trợ:

a) Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo giáo viên nơi theo học;

b) Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường.

2. Thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt được xác định theo số tháng thực tế học tập tại trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học. Trong trường hợp tổ chức giảng dạy theo học chế tín chỉ, cơ sở đào tạo giáo viên có thể quy đổi mức hỗ trợ cho phù hợp với học chế tín chỉ. Tổng kinh phí hỗ trợ của cả khóa học theo học chế tín chỉ không vượt quá mức hỗ trợ quy định cho khóa học theo năm học.

## **Điều 5. Lập dự toán, nguồn kinh phí, chi trả chính sách hỗ trợ cho sinh viên sư phạm**[\[5\]](#)

### **1. Lập dự toán**

a) Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định tại Nghị định này;

b) Đối với cơ sở đào tạo giáo viên: Hằng năm, căn cứ vào số sinh viên sư phạm đang được hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt học tại cơ sở đào tạo và số chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo năm tiếp theo (sau khi trừ đi số chỉ tiêu giao nhiệm vụ, đặt hàng), cơ sở đào tạo giáo viên lập dự toán kinh phí và gửi cơ quan cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính có thẩm quyền bố trí dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Đối với cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng: Căn cứ vào định mức hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị định 116, hằng năm cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ lập dự toán kinh phí đào tạo sinh viên sư phạm cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí để chi trả tiền hỗ trợ đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm qua cơ sở đào tạo giáo viên.

### **2. Nguồn kinh phí, chi trả chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm**

a) Kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm chỉ cho giáo dục, đào tạo tại các bộ, ngành, địa phương theo quy định và được cấp cho cơ sở đào tạo giáo viên theo hình thức giao dự toán theo quy định;

Trường hợp địa phương thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo sinh viên sư phạm thì địa phương bố trí từ ngân sách địa phương để chi trả cho cơ sở đào tạo giáo viên kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm;

b) Sau khi nhận được kinh phí hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền cấp, cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm chi trả tiền hỗ trợ chi phí sinh hoạt vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng của sinh viên sư phạm trước ngày 15 hàng tháng.

3. Việc chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm tại Nghị định này thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Kinh phí thực hiện chính sách tại Nghị định này được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp quản lý hiện hành. Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng cho từng thời kỳ.

## **Điều 6. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ**

1. Đối tượng phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt gồm:

- a) Sinh viên sư phạm đã hưởng chính sách không công tác trong ngành giáo dục sau 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp;
- b) Sinh viên sư phạm đã hưởng chính sách và công tác trong ngành giáo dục nhưng không đủ thời gian công tác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
- c) Sinh viên sư phạm được hưởng chính sách đang trong thời gian đào tạo nhưng chuyển sang ngành đào tạo khác, tự thôi học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bị kỷ luật buộc thôi học.

2. Đối tượng không phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt gồm:

- a) Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp, sinh viên sư phạm công tác trong ngành giáo dục và có thời gian công tác tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng;
- b) Sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp đang công tác trong ngành giáo dục, nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động bố trí công tác ngoài ngành giáo dục;
- c) [\[6\]](#) Sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp nếu được tiếp nhận vào công tác trong ngành giáo dục và tiếp tục được cơ quan tuyển dụng cử đi đào tạo giáo viên trình độ cao hơn và tiếp tục công tác trong ngành giáo dục đủ thời gian quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định 116.

3. Sinh viên sư phạm nghỉ học tạm thời, bị đình chỉ học tập tạm thời sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời gian nghỉ học hoặc bị đình chỉ học.

4. Sinh viên sư phạm dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban (không quá một lần) hoặc dừng học vì lý do khác không do kỷ luật hoặc tự thôi học, được cơ sở đào tạo giáo viên xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định, thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này nhưng thời gian hưởng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo.

## **Điều 7. Thủ tục đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt**

1. [7] Hằng năm, căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo, cơ sở đào tạo giáo viên thông báo cho thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên để đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt; công khai số lượng, danh sách sinh viên trúng tuyển lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo giáo viên để các địa phương đăng ký giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo sinh viên sư phạm.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng tuyển, sinh viên sư phạm nộp Đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt đến cơ sở đào tạo giáo viên (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến (nếu có).

Sinh viên chỉ nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị hỗ trợ trong cả thời gian học tại cơ sở đào tạo giáo viên.

3. Các cơ sở đào tạo giáo viên tổng hợp và thông báo cho các địa phương đã giao nhiệm vụ, đặt hàng [8] để thống nhất xét hỗ trợ cho sinh viên sư phạm thuộc đối tượng giao nhiệm vụ, đặt hàng [9].

4. Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng [10] xây dựng tiêu chí tuyển chọn sinh viên sư phạm đã trúng tuyển, phối hợp với cơ sở đào tạo giáo viên xét chọn bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc nhận đơn đăng ký, cơ sở đào tạo giáo viên thống nhất với cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng [11] để xác nhận và thông báo cho sinh viên sư phạm được hưởng chính sách hỗ trợ thuộc đối tượng giao nhiệm vụ, đặt hàng [12] và xét duyệt các đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ đối với sinh viên sư phạm trong phạm vi chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo và không thuộc chỉ tiêu đặt hàng.

6. [13] Danh sách sinh viên sư phạm được hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt và danh sách sinh viên sư phạm thuộc đối tượng giao nhiệm vụ, đặt hàng của địa phương được công khai trên cổng thông tin điện tử của địa phương và trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo giáo viên chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc xét duyệt gửi cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng để thực hiện, đồng thời gửi cơ quan cấp trên để theo dõi.

## **Điều 8. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn**

1. Chi phí bồi hoàn bao gồm kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho người học.

2. Sinh viên sư phạm thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 6 của Nghị định này phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Sinh viên sư phạm thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Nghị định này phải bồi hoàn một phần kinh phí hỗ trợ. Cách tính chi phí bồi hoàn theo công thức sau:

$$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$$

*Trong đó:*

- S là chi phí bồi hoàn;
- F là khoản học phí và chi phí sinh hoạt được nhà nước hỗ trợ;
- T1 là tổng thời gian làm việc trong ngành giáo dục theo quy định tính bằng số tháng làm tròn;
- T2 là thời gian đã làm việc trong ngành giáo dục được tính bằng số tháng làm tròn.

### **Điều 9. Thu hồi kinh phí hỗ trợ<sup>[14]</sup>**

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả rèn luyện, học tập của sinh viên sư phạm, cơ sở đào tạo giáo viên thông báo danh sách sinh viên thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 116 cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi sinh viên thường trú hoặc cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng để thông báo thu hồi kinh phí đã hỗ trợ cho sinh viên sư phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 116.

2. Đối với sinh viên sư phạm được hỗ trợ kinh phí theo hình thức giao dự toán thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 116, trước ngày 30 tháng 12 hằng năm căn cứ vào Giấy xác nhận thời gian công tác trong ngành giáo dục theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 116 của sinh viên sư phạm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi sinh viên thường trú rà soát, theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí hỗ trợ để sinh viên sư phạm thực hiện nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn theo quy định tại Điều 8 Nghị định 116 và Nghị định này.

3. Đối với sinh viên sư phạm được hỗ trợ kinh phí theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 116, cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí hỗ trợ để sinh viên sư phạm thực hiện nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn theo quy định tại Điều 8 Nghị định 116 và Nghị định này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, sinh viên thuộc đối tượng bồi hoàn kinh phí phải có trách nhiệm liên hệ với cơ quan ra thông báo thu hồi kinh phí bồi hoàn để làm thủ tục bồi hoàn kinh phí hỗ trợ.

Thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tối đa là 4 năm, kể từ khi sinh viên sư phạm nhận được thông báo bồi hoàn kinh phí.

Trong thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí, sinh viên nộp tiền bồi hoàn cho cơ sở đào tạo giáo viên hoặc cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ (đối với sinh viên thuộc đối tượng đặt hàng, giao nhiệm vụ) theo quy định.

Trường hợp sinh viên chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn quá thời hạn quy định thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn.

5. Sinh viên sư phạm phải bồi hoàn kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 116, nếu thuộc đối tượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên hoặc từ trần sẽ được xóa kinh phí bồi hoàn; nếu thuộc đối tượng hưởng chính sách miễn hoặc giảm học phí theo quy định của Chính phủ sẽ được miễn hoặc giảm mức bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí tương ứng. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của sinh viên sư phạm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi sinh viên thường trú quyết định miễn, giảm hoặc xóa kinh phí bồi hoàn cho sinh viên sư phạm thuộc đối tượng chính sách.

6. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền bồi hoàn kinh phí của sinh viên sư phạm, cơ sở đào tạo giáo viên, cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện nộp trả kinh phí vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

7. Sinh viên sư phạm không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan có thẩm quyền theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định pháp luật.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm của các bộ, ngành**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này;

b) Xác định và thông báo chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành đào tạo giáo viên cho các cơ sở đào tạo giáo viên;

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định này đối với các cơ sở đào tạo giáo viên theo quy định;

d) Chỉ đạo các cơ sở đào tạo giáo viên phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, ngành liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ cho sinh viên sư phạm hiệu quả.

2. Các bộ, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.

3.[\[15\]](#) Bộ Tài chính:

Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm quy định tại Nghị định này theo phân cấp quản lý ngân sách.

**Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**[\[16\]](#)

1. Bố trí ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt kịp thời cho sinh viên sư phạm theo quy định tại Nghị định 116 và Nghị định này; xây dựng tiêu chí tuyển chọn sinh viên sư phạm phù hợp nhu cầu sử dụng.
2. Thực hiện công khai nhu cầu đào tạo giáo viên, kết quả giao nhiệm vụ, đặt hàng với các cơ sở đào tạo giáo viên, kế hoạch tuyển dụng và bố trí vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục.
3. Chi trả kinh phí thực hiện quyết định giao nhiệm vụ, hợp đồng đào tạo giáo viên với các cơ sở đào tạo giáo viên theo đúng định mức quy định tại Điều 4 Nghị định 116.
4. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm theo quy định của Nghị định 116 và Nghị định này tại địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện định kỳ hằng năm với 16 Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.
5. Thực hiện hoặc phân cấp thực hiện việc tuyển dụng sinh viên sư phạm tốt nghiệp, bố trí vị trí việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo trong các cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành về tuyển dụng, sử dụng viên chức.
6. Hướng dẫn thủ tục theo dõi, đôn đốc và ra thông báo thu hồi tiền bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm thường trú tại địa phương thuộc trường hợp phải bồi hoàn quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 116 theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và xử lý các trường hợp không thực hiện việc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.
7. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, thực hiện báo cáo số liệu của năm trước liền kề theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện số kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm, kinh phí bồi hoàn của sinh viên sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 116 theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính. Thời gian chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề.
8. Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này và Nghị định 116, tổng hợp vào kế hoạch ngân sách địa phương hằng năm gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Hướng dẫn cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo giáo viên thực hiện nộp trả kinh phí bồi hoàn vào kho bạc nhà nước cho sinh viên sư phạm theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí.

## **Điều 12. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo giáo viên**

1. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo được thông báo, thực hiện tuyển sinh, đào tạo giáo viên theo đúng quy định hiện hành.

2. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với sinh viên sư phạm theo quy định.

3. [\[17\]](#) Định kỳ hằng năm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi sinh viên đăng ký thường trú, cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo sinh viên sư phạm kết quả học tập, rèn luyện, thời gian tốt nghiệp của sinh viên sư phạm, danh sách sinh viên tốt nghiệp, danh sách sinh viên đang học tại trường vì phạm phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 116, nguồn kinh phí chi trả, số tiền hỗ trợ và số tiền bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt cho từng sinh viên.

4. Có trách nhiệm công khai mức thu học phí theo từng năm học và học phí dự kiến cả khóa học, chi phí đào tạo, chuẩn đầu ra, kết quả học tập, tổ chức tuyển chọn và thực hiện đào tạo giáo viên theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng [\[18\]](#) với địa phương có nhu cầu theo quy định.

5. Thực hiện thanh quyết toán kinh phí đào tạo giáo viên theo quy định.

6. Bảo đảm chất lượng đào tạo và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng đào tạo do đơn vị thực hiện.

7. Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả đào tạo, kinh phí hỗ trợ đào tạo giáo viên với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.

8. [\[19\]](#) Thực hiện nộp trả kinh phí bồi hoàn vào kho bạc nhà nước cho sinh viên sư phạm theo phương thức giao dự toán ngân sách thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí.

## **Điều 13. Trách nhiệm của người được hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt [\[20\]](#)**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở đào tạo giáo viên; hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định.

2. Sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp, định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm của năm tiếp theo cho đến năm đủ thời gian không phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định 116, báo cáo tình hình việc làm của bản thân theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 116 tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí) nơi sinh viên thường trú hoặc cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với sinh viên thuộc đối tượng giao nhiệm vụ, đặt hàng để thông báo xóa hoặc thu hồi khoản kinh phí hỗ trợ.

3. Sinh viên sư phạm thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 116 có trách nhiệm nộp trả kinh phí đã được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này tới cơ sở đào tạo giáo viên hoặc cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ (đối với sinh viên theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ) để nộp trả ngân sách nhà nước qua hệ thống Kho bạc nhà nước.

4. Sinh viên sư phạm đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt có trách nhiệm nộp đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt tới cơ sở đào tạo giáo viên hoặc cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo giáo viên theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Sinh viên sư phạm thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí có trách nhiệm gửi bản sao chứng từ nộp tiền bồi hoàn kinh phí đến cơ quan có thẩm quyền ra thông báo thu hồi kinh phí bồi hoàn để theo dõi, báo cáo và xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>[21]</sup>**

#### **Điều 14. Quy định chuyển tiếp**

Sinh viên sư phạm đã trúng tuyển và đào tạo từ năm học 2020 - 2021 trở về trước thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 cho đến khi tốt nghiệp.

#### **Điều 15. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2020 và áp dụng bắt đầu từ khóa tuyển sinh năm học 2021 - 2022.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Nguyễn Văn Phúc;
- Thủ trưởng Lê Tấn Dũng;
- Công TTĐT Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, KHTC, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Thuồng**

## Phụ lục

(Kèm theo Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm)

|               |                                                                                                          |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẫu số 01[22] | Đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt                                         |
| Mẫu số 02     | Giấy xác nhận thời gian công tác trong ngành giáo dục                                                    |
| Mẫu số 03[23] | Báo cáo nhu cầu đào tạo giáo viên                                                                        |
| Mẫu số 04[24] | Thông báo người học nộp tiền bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt               |
| Mẫu số 05[25] | Báo cáo thực hiện hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt và kinh phí bồi hoàn của sinh viên sư phạm |

Mẫu số 01[26]

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG VÀ CAM KẾT BỒI HOÀN HỌC PHÍ, CHI PHÍ SINH HOẠT

Kính gửi: - Tên cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng;  
- Tên cơ sở đào tạo giáo viên.

Tôi là .....

Sinh viên lớp..... khóa....., Khoa: ..... Trường: .....

Địa chỉ thường trú.....

Căn cước/Căn cước công dân số:.....ngày cấp:.....nơi cấp:.....

Tôi đã nghiên cứu kỹ các quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm (Nghị định số 116/2020/NĐ-CP) và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP.

Tôi xin được đăng ký thụ hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

Tôi xin cam kết thực hiện các nội dung quy định về chính sách bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP.

Trong trường hợp vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, tôi xin cam kết bồi hoàn số tiền hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt được nhận theo đúng quy định tại Nghị định và quy định của pháp luật hiện hành.

....., ngày .... tháng.... năm....  
**NGƯỜI VIẾT CAM KẾT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN**

**THỜI GIAN CÔNG TÁC TRONG NGÀNH GIÁO DỤC**

Cơ quan/cơ sở giáo dục: .....

Địa chỉ:.....

Xác nhận Ông/Bà:.....

Số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân:..... ngày

cấp:..... nơi cấp:.....

Ngày tuyển dụng:..... tại Quyết định số:..... ngày..... về việc  
..... đã công tác tại cơ quan/đơn vị  
là..... năm..... tháng./.

....., ngày .... tháng.... năm....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03[27]

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP

...

-----

Số: ... /BC-UBND

V/v nhu cầu đào tạo giáo viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO NHU CẦU ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN**

Năm ...

| STT | Mã ngành | Tên ngành                     | Nhu cầu đào tạo giáo viên của năm kế tiếp năm báo cáo |                | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------|---------|
|     |          |                               | Công lập                                              | Ngoài công lập |         |
| 1   | 7140202  | Giáo dục Tiểu học             |                                                       |                |         |
| 2   | 7140204  | Giáo dục Công dân             |                                                       |                |         |
| 3   | 7140205  | Giáo dục Chính trị            |                                                       |                |         |
| 4   | 7140206  | Giáo dục Thể chất             |                                                       |                |         |
| 5   | 7140207  | Huấn luyện thể thao           |                                                       |                |         |
| 6   | 7140208  | Giáo dục Quốc phòng - An ninh |                                                       |                |         |
| 7   | 7140209  | Sư phạm Toán học              |                                                       |                |         |
| 8   | 7140210  | Sư phạm Tin học               |                                                       |                |         |
| 9   | 7140211  | Sư phạm Vật lý                |                                                       |                |         |
| 10  | 7140212  | Sư phạm Hóa học               |                                                       |                |         |
| 11  | 7140213  | Sư phạm Sinh học              |                                                       |                |         |
| 12  | 7140214  | Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp  |                                                       |                |         |
| 13  | 7140215  | Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp  |                                                       |                |         |
| 14  | 7140217  | Sư phạm Ngữ văn               |                                                       |                |         |
| 15  | 7140218  | Sư phạm Lịch sử               |                                                       |                |         |
| 16  | 7140219  | Sư phạm Địa lý                |                                                       |                |         |

|    |             |                                      |  |  |  |
|----|-------------|--------------------------------------|--|--|--|
| 17 | 7140221     | Sư phạm Âm nhạc                      |  |  |  |
| 18 | 7140222     | Sư phạm Mỹ thuật                     |  |  |  |
| 19 | 7140223     | Sư phạm Tiếng Bana                   |  |  |  |
| 20 | 7140224     | Sư phạm Tiếng Êđê                    |  |  |  |
| 21 | 7140225     | Sư phạm Tiếng Jrai                   |  |  |  |
| 22 | 7140226     | Sư phạm Tiếng Khmer                  |  |  |  |
| 23 | 7140227     | Sư phạm Tiếng H'mông                 |  |  |  |
| 24 | 7140228     | Sư phạm Tiếng Chăm                   |  |  |  |
| 25 | 7140229     | Sư phạm Tiếng M'nông                 |  |  |  |
| 26 | 7140230     | Sư phạm Tiếng Xê đăng                |  |  |  |
| 27 | 7140231     | Sư phạm Tiếng Anh                    |  |  |  |
| 28 | 7140232     | Sư phạm Tiếng Nga                    |  |  |  |
| 29 | 7140233     | Sư phạm Tiếng Pháp                   |  |  |  |
| 30 | 7140234     | Sư phạm Tiếng Trung Quốc             |  |  |  |
| 31 | 7140235     | Sư phạm Tiếng Đức                    |  |  |  |
| 32 | 7140236     | Sư phạm Tiếng Nhật                   |  |  |  |
| 33 | 7140237     | Sư phạm Tiếng Hàn Quốc               |  |  |  |
| 34 | 7140246     | Sư phạm công nghệ                    |  |  |  |
| 35 | 7140247     | Sư phạm khoa học tự nhiên            |  |  |  |
| 36 | 7140248     | Giáo dục pháp luật                   |  |  |  |
| 37 | 7140249     | Sư phạm Lịch sử - Địa lí             |  |  |  |
| 38 | 7140201     | Giáo dục Mầm non (trình độ Đại học)  |  |  |  |
| 39 | 7140203     | Giáo dục Đặc biệt                    |  |  |  |
| 40 | 51140201    | Giáo dục Mầm non (trình độ Cao đẳng) |  |  |  |
| 41 |             | Ngành khác (nếu có)                  |  |  |  |
|    |             |                                      |  |  |  |
|    | <b>Cộng</b> |                                      |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Số liệu báo cáo nhu cầu đào tạo giáo viên của năm kế tiếp năm báo cáo là số giáo viên cần bổ sung để đảm bảo đủ đội ngũ giáo viên dạy các cấp học của 4 năm sau (đối với giáo viên trình độ đại học) và 3 năm sau (đối với giáo viên trình độ cao đẳng).

- Danh mục mã ngành đào tạo giáo viên được cập nhật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Nơi nhận:**

.....  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- .....

- .....

- Lưu: VT.

**Mẫu số 04**[\[28\]](#)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP**

...

-----

Số: ... /TB-UBND

V/v thông báo người học nộp tiền  
bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng  
học phí và chi phí sinh hoạt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

## **THÔNG BÁO**

Kính gửi: Theo danh sách người học.

*Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm (gọi tắt là Nghị định 116) và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 116;*

*Căn cứ báo cáo tình hình việc làm của người học nhận kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm;*

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thông báo tới người học thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí như sau:

1. Thực hiện việc nộp trả kinh phí đã được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt tới cơ sở đào tạo giáo viên hoặc cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ (đối với sinh viên theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ) theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 116.

2. Gửi bản sao chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người học có hộ khẩu thường trú để theo dõi, báo cáo và xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thông báo để người học thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (theo danh sách kèm theo thông báo này) phải thực hiện đúng quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 116.

**Nơi nhận:**

.....  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- .....

- .....

- Lưu: VT.

**DANH SÁCH NGƯỜI HỌC PHẢI BỒI HOÀN KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ, SINH HOẠT PHÍ CHO SINH VIÊN SỰ PHẠM**

| STT | Tên người học được nhận hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt | Địa chỉ thường trú | Cơ sở đào tạo chi trả kinh phí | Số tiền được nhận hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt | Số tiền phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ | Lý do phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|     |                                                                     |                    |                                |                                                               |                                       |                                     |         |
|     |                                                                     |                    |                                |                                                               |                                       |                                     |         |
|     |                                                                     |                    |                                |                                                               |                                       |                                     |         |
|     |                                                                     |                    |                                |                                                               |                                       |                                     |         |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP**

...

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ... /BC-UBND

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

V/v báo cáo thực hiện hỗ trợ tiền  
đóng học phí, chi phí sinh hoạt và  
kinh phí bồi hoàn của sinh viên sư  
phạm

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo;  
- Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... gửi tới Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính báo cáo thực hiện hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt và kinh phí bồi hoàn của sinh viên sư phạm như sau:

1. Tình hình thực hiện hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm

- Số sinh viên được nhận kinh phí hỗ trợ:

Trong đó: báo cáo cụ thể số sinh viên tuyển mới, số sinh viên đang đào tạo.

- Tổng kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (đơn vị triệu đồng):

2. Kinh phí bồi hoàn của sinh viên sư phạm

| STT | Tên người học<br>được nhận hỗ<br>trợ tiền đóng<br>học phí, chi<br>phí sinh hoạt | Địa chỉ<br>thường trú | Cơ sở đào<br>tạo chi trả<br>kinh phí | Số tiền được<br>nhận hỗ trợ<br>tiền đóng học<br>phí, chi phí<br>sinh hoạt | Số tiền<br>phải bồi<br>hoàn kinh<br>phí hỗ trợ | Lý do phải<br>bồi hoàn<br>kinh phí<br>hỗ trợ | Bản sao<br>chứng từ<br>nộp tiền |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|
|     |                                                                                 |                       |                                      |                                                                           |                                                |                                              |                                 |
|     |                                                                                 |                       |                                      |                                                                           |                                                |                                              |                                 |
|     |                                                                                 |                       |                                      |                                                                           |                                                |                                              |                                 |

**Ghi chú:** Tại cột “Bản sao chứng từ nộp tiền” nếu người học đã nộp Bản sao chứng từ nộp tiền bồi hoàn kinh phí theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ thì ghi “đã nộp”, nếu chưa nộp thì ghi “chưa nộp”.

**Nơi nhận:**

- .....
- .....
- Lưu: VT.

.....  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm”.*

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[6] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[8] Cụm từ “hoặc đấu thầu” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[9] Cụm từ “hoặc đấu thầu” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[10] Cụm từ “hoặc đấu thầu” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[11] Cụm từ “hoặc đấu thầu” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[12] Cụm từ “hoặc đấu thầu” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[14] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[16] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[18] Cụm từ “hoặc đầu thầu” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[20] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[21] Điều 2 và Điều 3 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025, quy định như sau:

## ***“Điều 2. Quy định chuyển tiếp***

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ cho sinh viên sư phạm từ năm học 2021 - 2022 đến hết năm học 2024 - 2025 theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng cho từng thời kỳ.

2. Đối với các địa phương đã ký hợp đồng với cơ sở đào tạo để thực hiện việc đào tạo sinh viên sư phạm thông qua hình thức đấu thầu thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.

3. Bãi bỏ cụm từ “hoặc đấu thầu” tại khoản 3, 4, 5 Điều 7, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2025 và áp dụng bắt đầu từ năm học 2025 - 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

[\[22\]](#) Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[\[23\]](#) Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[\[24\]](#) Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[\[25\]](#) Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[\[26\]](#) Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[\[27\]](#) Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[\[28\]](#) Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.

[\[29\]](#) Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 60/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025.